

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN HUỆ
Chương: 622 Loại 070 Khoản 072

Biểu 03
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 04 tháng 04 năm 2020

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2020
(Kèm theo thông báo số: 55b/TB-THNH ngày 04/4/2020 của trường tiểu học Nguyễn Huệ)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-PGDĐT ngày 24/12/2019 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều "về việc giao dự toán ngân sách năm 2020";

Trường Tiểu học Nguyễn Huệ công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2020 như sau:

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2020	Thực hiện quý I năm 2020	Thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0		-
1	Số thu phí, lệ phí	0	0		-
1.1	Học phí	0	0		-
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0		-
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0		-
<u>II</u>	<u>Dự toán chi ngân sách nhà nước</u>	<u>3,469,000,000</u>	<u>773,104,866</u>	<u>22</u>	<u>112</u>
1	Chi quản lý hành chính				
2	Nghiên cứu khoa học				
3	Chi nghiệp vụ giáo dục đào tạo dạy nghề	3,469,000,000	773,104,866	<u>22</u>	<u>112</u>
<u>3.1</u>	<u>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</u>	<u>3,469,000,000</u>	<u>773,104,866</u>	<u>22</u>	<u>112</u>
a	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>2,758,800,000</u>	<u>644,223,700</u>	<u>23</u>	<u>119</u>
	Mục 6000: Tiền lương	1,526,200,000	352,725,100	23	114
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	-	-	0	-

	Mục 6100: Phụ cấp lương	839,800,000	207,315,600	25	135
	Mục 6200: Tiền thưởng	11,800,000	-		-
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	8,000,000	-	0	-
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	373,000,000	84,183,000	23	107
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	-		0	-
b	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>685,200,000</u>	<u>128,881,166</u>	<u>19</u>	<u>88</u>
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	30,000,000	15,426,766	51	37
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	90,000,000	11,718,000	13	0
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	20,000,000	4,686,000	23	73
	Mục 6650: Hội nghị	-	-		
	Mục 6700: Công tác phí	24,000,000	3,000,000	13	100
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	95,000,000	21,098,400	22	70
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	160,000,000	-	0	-
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	50,000,000	-	0	-
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	200,200,000	62,352,000	31	424
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	16,000,000	10,600,000	66	-
c	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>25,000,000</u>	<u>-</u>	<u>0</u>	<u>-</u>
	Mục 7750: Chi khác	25,000,000		0	-
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-			-
a	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>-</u>	<u>-</u>		<u>-</u>
	Mục 6100: Phụ cấp lương	-			-
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ cho HS SV	-			-
	Mục 6750: Chi thuê mướn	-			-
b	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>-</u>	<u>-</u>		<u>-</u>
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.				-

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Mơ

